

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HS-ST

Ngày: 16-5-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Chí Thiện,

2/ Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/HSST-QĐ ngày 27/4/2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1999; tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Khu phố A, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành T và bà Phạm Thị X; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 17/01/2022 và tạm giam đến nay; có mặt.

2/ Họ và tên: Huỳnh Đăng Đăng K, sinh năm 1996; tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Số A1, ấp PH, xã AS, thành phố TA, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H và bà Đặng Thị Kim Th; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 15/01/2022 và tạm giam đến nay; có mặt.

3/ Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ĐKKHKT: Phường A3, Quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ nhân thân) bà Nguyễn Thị NH; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 08/6/2018, Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2018/HSST và Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 24/2018/HSPT-QĐ ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 7562/QĐ-UBND; Ngày 07/02/2017, Trưởng Công an phường Phú TZ, thành

phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, theo Quyết định số 21/QĐ-XPVPHC; bị bắt tạm giam ngày 25/01/2022; có mặt.

4/ Họ và tên: Trần Hoài N, sinh năm 1992; tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Số A5, Tổ A6, Khu phố A7, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th1 và bà Nguyễn Thị KA; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 07/2/2016, Trưởng Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định số 61/QĐ-VPHC-CATP; bị bắt tạm giữ ngày 17/01/2022 và tạm giam đến nay; có mặt.

5/ Họ và tên: Lương Thị Thùy TR, sinh năm 1995; tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Ấp HT, xã DT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang; nơi ở: phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đắc T1 và bà Nguyễn Thị H1; chồng (không rõ nhân thân), có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 15/01/2022 đến ngày 20/01/2022 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại:

1/ Bà Lê Thị B1, sinh năm 1986; địa chỉ: phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông Phạm Đất C, sinh năm 2002; HKTT: Ấp HM, Xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang; Nơi ở: phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1982; Ấp HM, Xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang; Nơi ở: phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4/ Ông Huỳnh Thanh U, sinh năm 1985; HKTT: Xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở: phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5/ Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1985; địa chỉ: thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6/ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HCR Việt Nam. Địa chỉ: phường TD, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Thế T2, sinh năm 1984; địa chỉ phường TD, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 07/01/2022); có mặt.

7/ Bà Cao Thị H4, sinh năm 1991; địa chỉ: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự:

1/ Bà Trịnh Thị T3, sinh năm 1996; HKTT: xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Ông Hoàng Đình S, sinh năm 1987; địa chỉ: phường PH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1987; HKTT: xã TL, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Nguyễn Thái B1, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp HM, Xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2/ Ông Lý C1, sinh năm 1954; địa chỉ: phường CN, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Ông Trần Văn H5, sinh năm 1996; HKTT: Thôn NX, xã VT, huyện UH, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4/ Bà Phạm Thị X1, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố A8, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị KA; sinh năm 1963; địa chỉ: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6/ Ông Võ Đức T5, sinh năm 1976; địa chỉ: phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7/ Bà Võ Ngọc H6, sinh năm 1973; địa chỉ: phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị N1; sinh năm 1970; địa chỉ: phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9/ Bà Lâm Thị Mộng L1, sinh năm 1993; địa chỉ: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có mặt.

10/ Bà Lê Thị Tuyết NH, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp PL, xã PT, huyện CT, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

11/ Bà Huỳnh Lê Yên N2, sinh ngày 19/4/2004; HKTT: phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; có mặt.

12/ Bà Rah Lan Y, sinh năm 1995; HKTT: đường NT, phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N, Nguyễn Văn B, Lương Thị Thùy TR, Huỳnh Đăng Đăng cùng với đối tượng Huỳnh Văn TX; đối tượng Nguyễn Thành TY và hai đối tượng khác có tên thường gọi là R và TZ (hiện chưa xác định được nhân thân, lại lịch) có mối quan hệ là bạn bè ngoài xã hội với nhau. Trong đó, H, N, B và K đều là các đối tượng sử dụng ma túy nhưng không có nghề nghiệp ổn định đồng thời do cần có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 06/12/2021 đến ngày 18/12/2021, H, N, B và K đã thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố M và thị xã BC, tỉnh Bình Dương; còn TR thì chứa chấp và giúp cho H, N, B và K tiêu thụ các tài sản sau khi chiếm đoạt được. Ngoài ra, B, K và N còn có hành vi tiêu thụ tài sản do các đồng phạm khác chiếm đoạt có được, cụ thể hành vi phạm tội của các đối tượng như sau:

1/ Vụ thứ nhất: Do các bị cáo Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Lương Thị Thùy TR thực hiện hành vi giúp cho H và K tiêu thụ tài sản sau khi chiếm đoạt được, xảy ra trên địa bàn thành phố M.

Khoảng 03 giờ ngày 06/12/2021, trong lúc Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K đang ở nhà của H, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, H nảy sinh ý định và rủ K cùng đi tìm kiếm tài sản sơ hở của người dân để lấy trộm đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì K đồng ý. Thực hiện ý định trên, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ, biển số 61T1-76xx chở K đi vòng quanh các tuyến đường trên địa bàn M, tỉnh Bình Dương để tìm kiếm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi đến nhà số X, phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì H nhìn thấy cửa chính chỉ khép hờ, không khóa nên cho xe mô tô dừng lại rồi kêu K đứng bên ngoài để canh giới còn H thì lén lút đột nhập vào trong và lấy trộm được một số tài sản, gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx (bên trong cốp xe có 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Lê Thị B1); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21Y, màu đen của chị Lê Thị B1. Sau đó, H cất 02 (hai) điện thoại di động vào người và đẩy xe mô tô biển số 61G1-585.xx ra ngoài, nổ máy và điều khiển xe mô tô chạy đến chỗ của K; còn K thì điều khiển xe mô tô biển số 61T1-76xx rồi cả hai cùng chạy đến nhà số X1, phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương do Lương Thị Thùy TR thuê ở để cất xe mô tô biển số 61G1-585.xx. Tại đây, TR biết rõ xe mô tô biển số 61G1-585.xx là do H và K lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý cho H và K cất xe mô tô ở nhà của TR. Đến khoảng 08 giờ ngày 06/12/2021, H đưa cho TR 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-585.xx rồi kêu TR đem xe mô tô biển số 61G1-585.xx đi cầm thì TR đồng ý. Sau đó, TR điều khiển xe mô tô biển số 61G1-585.xx chạy đến Tiệm cầm đồ LTP, địa chỉ tại khu phố 2, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương do chị Nguyễn Thị T6 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nhưng ủy quyền cho anh Trần Danh L1 quản lý và điều hành) gặp chị Trịnh Thị T3 (là vợ của anh L1) và cầm xe mô tô được số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng rồi TR bắt xe Grab mô tô để trở về nhà của TR. Tại đây, TR đưa tiền cho H rồi H chia cho TR số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn lại số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng thì H và K chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21Y, màu đen thì H và K đem đi bán cho một người đàn ông (hiện không xác định được nhân thân, lai lịch và không nhớ rõ số tiền đã bán được) để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Đối với chị Lê Thị B1, đến ngày 16/01/2022 đã đến Công an phường HP để trình báo sự việc. Công an phường HP tiếp nhận nguồn tin và chuyển giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình xác minh và điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xác định được Lương Thị Thùy TR và Huỳnh Đăng Đăng K là những đối tượng có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản nêu trên nên ngày 15/01/2022 đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Thị Thùy TR tại nhà ở phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương và thu giữ được một số đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (VB); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần PĐ (O&B); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương

mai X (VCX); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần CTH Việt Nam (VTB); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần D&T Việt Nam (BVI); 01 (một) thẻ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (DA); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 312638xxx và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 281072xxx (Tất cả thẻ ATM và Chứng minh nhân dân đều do Lương Thị Thùy TR đứng tên); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 366374xxx tên Huỳnh Lê Yến N2; 01 (một) Hợp đồng cầm đồ tại Tiệm cầm đồ VP đề ngày 10/01/2022; 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ngày 06/11/2021 giữa bà Nguyễn Thị N1 và Lương Thị Thùy TR; 01 (một) Giấy bán xe ngày 14/11/2021 giữa Cửa hàng xe máy ML và Lương Thị Thùy TR; 01 (một) áo đầm, màu đỏ, không có tay áo, phía sau cổ áo có chữ ZARA ANOS-YEARS; 01 (một) túi xách đeo màu đen, bên ngoài có chữ CHANEL; 01 (một) nón bảo hiểm, màu tím phía sau nón có chữ NÓN SƠN. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Thị Thùy TR về hành vi có dấu hiệu phạm tội trộm cắp tài sản.

Cùng ngày 15/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Huỳnh Đăng Đăng K tại phòng trọ thuộc phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương và thu giữ được một số đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 70C1-267.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 62C1-148.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 83P2-407.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93P2-273.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 29Y7-336.xx; 01 (một) bản photo Căn cước công dân số 0930910116xx tên Huỳnh Văn TX; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812754xx tên Lưu Thị Mộng T7; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2810611xx tên Hồ Hoài N3; 01 (một) bản photo Giấy khai sinh tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ; 01 (một) Bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Minh H6; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký thuê mã số 86473577xx tên người nộp thuế Nguyễn Đỗ Hiếu Đ; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46C8031988 tên HD; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu đen có họa tiết sọc xanh đỏ hai bên nón và 01 (một) nón lưỡi trai có phần lưỡi trai màu đen, phần nón màu xám; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BV tên Rah Lan Y; 01 (một) cuốn sổ tay bìa màu đen có chữ ký xác nhận của Huỳnh Đăng Đăng K; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50 gắn sim số 09377843xx và sim số 03920044xx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21, màu tím gắn sim số 07944843xx và 03939340xx; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Realme, màu bạc (không gắn sim) và số tiền 4.100.000 (bốn triệu, một trăm nghìn) đồng. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Huỳnh Đăng Đăng K về hành vi có dấu hiệu phạm tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 16/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một làm việc với Tiệm cầm đồ LTP và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) Giấy phép lái xe tên Lê Thị B1; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 61G1-585.xx; 01 (một) Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 26/KLTS-TTHS ngày 19/01/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx, trị giá 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn

hiệu Samsung M20, màu đen, trị giá 3.500.000 (ba triệu, năm trăm nghìn) đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21Y, màu đen, trị giá 2.000.000 (hai triệu) đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K đã chiếm đoạt của chị Lê Thị B1 là 28.500.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Ngày 28/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại 01 (một) mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx; 01 (một) Giấy phép lái xe tên Lê Thị B1 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-585.xx cho chị Lê Thị B1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ-CQCSĐT cùng ngày 28/01/2022.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21Y, màu đen do không thu hồi được nên chị Lê Thị B1 yêu cầu Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K pH liên đới bồi thường số tiền là 5.500.000 (năm triệu, năm trăm nghìn) đồng. Hiện tại H và K chưa bồi thường số tiền trên cho chị B1.

Đối với Tiệm cầm đồ LTP, qua làm việc chị Trịnh Thị T3 cho biết ngày 06/12/2021 khi Lương Thị Thùy TR mang xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx đến cầm thì chị T3 có hỏi nguồn gốc của xe mô tô thì TR nói là xe của TR, đồng thời TR đưa cho chị T3 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61G1-585.xx nên chị T3 đồng ý cầm mà không biết xe mô tô trên là của chị Lê Thị B1 đã bị mất trộm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để xử lý đối với chị T3 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đồng thời, qua làm việc chị Trang yêu cầu Lương Thị Thùy TR, Huỳnh Đăng Đăng K và Nguyễn Thanh H pH liên đới bồi thường số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng. Hiện, TR, H và K chưa bồi thường số tiền trên cho chị T3.

2/ Vụ thứ hai: Do các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N, Nguyễn Văn B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Lương Thị Thùy TR và Huỳnh Đăng Đăng K thực hiện hành vi chứa chấp và giúp cho H, N, B tiêu thụ tài sản sau khi chiếm đoạt được, xảy ra trên địa bàn thành phố M.

Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2021, trong lúc Nguyễn Thanh H và Trần Hoài N đang ở nhà của H, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, H nảy sinh ý định và rủ N cùng đi tìm kiếm tài sản sơ hở của người dân để lấy trộm đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N đồng ý. Thực hiện ý định trên, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ, biển số 61T1-76xx chở N đi vòng quanh các khu nhà trọ trên địa bàn thành phố M để tìm kiếm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi đến Khu nhà trọ LHP, địa chỉ tại phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì H dừng xe lại và kêu N đứng bên ngoài để canh giới, còn H thì đi bộ vào trong khu nhà trọ và nhìn thấy phòng trọ số 03 vẫn còn mở cửa sổ và bên trong có 03 (ba) xe mô tô nên H đi đến đưa tay qua khe cửa sổ, mở chốt cửa chính rồi lên lút đi vào phòng trọ lấy 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu xanh-đỏ- trắng-đen, biển số 67K1-881.xx của anh Phạm Đát C ra ngoài, nổ máy rồi điều khiển xe mô tô chạy ra đến chỗ của N. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 67K1-881.xx, còn N điều khiển xe mô tô biển số 61T1-76xx cùng chạy đến nhà trọ của Lương Thị Thùy TR, địa chỉ tại phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương rồi H kêu TR mở cửa để H dẫn xe mô tô biển số 67K1-881.xx vào nhà cất giấu. Tại đây, TR biết rõ xe mô tô biển số 67K1-881.xx là do H và N lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý cho H và N đẩy xe mô tô biển số 67K1-881.xx đi thẳng vào phòng ngủ của TR rồi H cùng với N mở mạt nạ xe ra để kiểm tra thì biết được xe

mô tô biển số 67K1-881.xx không có gắn định vị. Sau đó, H rủ N trở lại Khu nhà trọ LHP để tiếp tục lấy trộm tài sản thì N nói không đi nữa; cùng lúc này tại nhà của TR có Nguyễn Văn B nên H rủ B cùng đi thì B đồng ý. Do N không đi nữa nên H kêu N điều khiển xe mô tô biển số 67K1-881.xx đã lấy trộm được chạy về cất giấu tại phòng trọ của N, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; đồng thời N nhờ Nguyễn Thành TY điều khiển xe mô tô biển số 61T1-76xx chạy theo sau để sau khi cất xe mô tô biển số 67K1-881.xx xong thì TY chở N quay trở lại nhà của TR.

Đối với Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn B thì B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đỏ-đen, biển số 94D1-473.xx chở H chạy lại Khu nhà trọ LHP rồi H kêu B đứng bên ngoài để canh giới còn H thì tiếp tục đột nhập vào phòng trọ của anh Phạm Đất C lấy trộm được một số tài sản, gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx (bên trong cốp xe có 01 (một) Giấy chứng nhận đăng xe mô tô biển số 61B1-907.xx); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám của chị Nguyễn Thị Bích H2 (là mẹ của anh C) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen của anh Huỳnh Thanh U. Sau đó, H cất 02 (hai) điện thoại di động vào người và dẫn xe mô tô biển số 61B1-907.xx ra ngoài nổ máy điều khiển xe chạy đến chỗ của B, còn B thì điều khiển xe mô tô biển số 94D1-473.xx, cả hai cùng chạy về phòng trọ của B, địa chỉ tại khu phố 2, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương để cất giấu xe mô tô biển số 61B1-907.xx rồi B chở H trở lại nhà của TR.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Thanh H kêu Nguyễn Văn B chở Lương Thị Thùy TR đến phòng trọ của B để lấy xe mô tô biển số 61B1-907.xx đem đi cầm. Đối với TR thì biết rõ xe mô tô biển số 61B1-907.xx là do H và B đã lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý giúp H và B nên khi đến phòng trọ của B thì TR điều khiển xe mô tô biển số 61B1-907.xx, còn B điều khiển xe mô tô biển số 94D1-473.xx cùng chạy đến Tiệm cầm đồ HS, địa chỉ tại khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương do anh Trương Hữu L1 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nhưng ủy quyền cho anh Hoàng Đình S quản lý và điều hành) và cầm được số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Sau đó, B chở TR chạy đến nhà của H để đưa tiền cho H rồi H chia cho TR số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, còn lại số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng thì H và B chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu xanh-đỏ-trắng-đen, biển số 67K1-881.xx thì đến khoảng chiều cùng ngày 08/12/2021, Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N và Huỳnh Đăng Đăng K cùng đi đến phòng trọ của N để lấy xe mô tô đem đến Tiệm cầm đồ AZ, địa chỉ tại khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Ngọc S là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nhưng đã ủy quyền cho anh Trần Văn H5 quản lý và điều hành) để cầm. Đối với K mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 67K1-881.xx do H và N lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý đứng ra cầm xe mô tô được số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng rồi H chia cho N số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, chia cho K số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, còn lại số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng thì H cất giữ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 08/12/2022 anh Phạm Đất C và anh Huỳnh Thanh U đã đến Công an phường HA để trình báo. Công an phường HA tiếp nhận nguồn tin tội phạm và chuyển hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một làm việc với Tiệm cầm đồ HS và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) Hợp đồng cầm xe mô tô; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng xe mô tô, xe máy biển số 61B1-907.xx; 01 (một) bản phôi tờ Căn cước công dân mang tên Nguyễn Bá T8; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx.

Quá trình xác minh và điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xác định được Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn B là những đối tượng có liên quan các vụ trộm cắp tài sản nêu trên nên ngày 15/01/2022 đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn B tại phòng trọ số D2, Khu nhà trọ MQ, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương và thu giữ được một số đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đỏ-đen, biển số 94D1-473.xx; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có hoạt tiết chữ NY, màu trắng; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết hình chim, màu đen; 01 (một) áo sơ mi, màu đen dài tay phía sau có hình con đại bàng; 01 (một) con dao tự chế có cán và lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 40 cm; riêng Nguyễn Văn B bỏ trốn.

Ngày 17/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh H tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương và thu giữ một số đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ (MBank) tên Lê Thị Tuyết NH; 01 (một) quần Jean lửng, màu xanh nhạt; 01 (một) áo khoác, màu đen phía sau có chữ LADOS. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thanh H về hành vi có dấu hiệu phạm tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 17/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một triệu tập Trần Hoài N đến trụ sở cơ quan công an để làm việc thì N đã khai nhận toàn bộ hành vi N cùng với Nguyễn Thanh H lấy trộm xe mô tô biển số 67K1-881.xx của anh Phạm Đất C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với N về hành vi có dấu hiệu phạm tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 17/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một làm việc với Tiệm cầm đồ AZ và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng xe mô tô biển số 67K1-881.xx; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 tên Lâm Văn U1; 01 (một) Chứng minh nhân dân tên Lâm Văn U1 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu đỏ-xanh-trắng-đen, biển số 67K1-881.xx.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 327/KLTS-TTHS ngày 30/12/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô Honda Winner, màu xanh-đỏ-trắng-đen, biển số 67K1-881.xx, trị giá 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx, trị giá 18.000.000 (mười tám triệu) đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen, trị giá 9.000.000 (chín triệu) đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám, trị giá 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng. Tổng trị giá tài sản được định giá là 74.500.000 (bảy mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu đỏ-xanh-trắng-đen, biển số 67K1-881.xx và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67K1-881.xx, quá trình xác minh và điều tra xác định do anh Nguyễn Thái B1 (là cậu của

anh Phạm Đất C) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua làm việc, anh B1 cho biết được anh C nhờ đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Xét thấy, xe mô tô biển số số 67K1-881.xx là tài sản hợp pháp của anh Phạm Đất C nên ngày 12/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh C theo Quyết định xử lý vật chứng số 09/QĐ-CQSCĐT cùng ngày 12/02/2022. Hiện, anh C không có yêu cầu gì khác đối với Nguyễn Thanh H và Trần Hoài N.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-907.xx và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám, quá trình xác minh và điều tra xác định xe mô tô do chị Nguyễn Thị V đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua làm việc, chị Nguyễn Thị Bích H2 cho biết đã mua lại xe mô tô trên của ông Lý C1 (là cậu của chị H2), còn ông Lý C1 thì cho biết đã được bà Nguyễn Thị V ủy quyền quản lý và sử dụng xe mô tô trên. Xét thấy xe mô tô biển số 61B1-907.xx là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Bích H2 nên ngày 12/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại xe mô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-907.xx cho chị H2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-CQSCĐT cùng ngày 12/02/2022. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám do không thu hồi được nên chị H2 yêu cầu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn B phải liên đới bồi thường cho chị H2 số tiền 6.500.000 (sáu triệu, năm trăm nghìn) đồng. Hiện tại H và B chưa bồi thường số tiền trên cho chị H2.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen do không thu hồi được nên anh Huỳnh Thanh U yêu cầu Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn B phải liên đới bồi thường cho anh U số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng. Hiện tại H và B chưa bồi thường số tiền trên cho anh U.

Đối với Tiệm cầm đồ HS, qua làm việc anh Hoàng Đình S cho biết ngày 08/12/2021 khi Lương Thị Thùy TR và Nguyễn Văn B đem xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx đến cầm thì B là người trực tiếp đứng ra cầm và anh S có hỏi về nguồn gốc của xe mô tô thì B nói là xe của bạn nhờ B cầm giúp, đồng thời B đưa cho anh S 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61B1-907.xx và 01 (một) bản photo Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Bá T8 nên anh S đồng ý cầm mà không biết xe mô tô trên là của chị Nguyễn Thị Bích H2 đã bị mất trộm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để xử lý đối với anh S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đồng thời, qua làm việc anh S yêu cầu Nguyễn Văn B, Nguyễn Thanh H và Lương Thị Thùy TR phải liên đới bồi thường số tiền 18.000.000 (mười ba triệu) đồng. Hiện tại B, H và TR chưa bồi thường số tiền trên cho anh S.

Đối với Tiệm cầm đồ AZ, qua làm việc anh Trần Văn H5 cho biết ngày 08/12/2021 khi Huỳnh Đăng Đăng K đem xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu đỏ-xanh-trắng-đen, biển số 67K1-881.xx đến cầm thì anh H5 có hỏi nguồn gốc của xe mô tô thì K nói là do K mua và xe cũ nên chưa sang tên, đồng thời K đưa cho anh H5 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67K1-881.xx nên anh H5 đồng ý cầm mà không biết xe mô tô trên là của anh Phạm Đất C đã bị mất trộm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để xử lý đối với anh H5 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngoài ra, anh H5 còn cho biết sau khi cầm xe mô tô biển số 67K1-881.xx thì Huỳnh Đăng Đăng K còn đem 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 và 01 (một) Chứng minh nhân dân (đều

tên Lâm Văn U1 đến cầm với số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, qua làm việc anh H5 không yêu cầu Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N và Huỳnh Đăng Đăng K phải bồi thường cho Tiệm cầm đồ AZ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đỏ, biển số 61T1-76xx mà Nguyễn Thanh H đã sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, quá trình xác minh và điều tra xác định xe mô tô trên là do chị Nguyễn Thanh T9 (là chị của H) đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua làm việc, chị T9 cho biết đã cho H mượn xe mô tô biển số 61T1-76xx làm phương tiện đi lại và việc H sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội thì chị T9 hoàn toàn không biết. Đồng thời, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không thu giữ xe mô tô biển số 61T1-76xx nên không đề cập xử lý.

3/ Vụ thứ ba: Do các bị cáo Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; các bị cáo Lương Thị Thùy TR, Trần Hoài N, Nguyễn Văn B thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có xảy ra trên địa bàn thành phố M.

Sau khi đem xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx đã lấy trộm được đến phòng trọ của Nguyễn Văn B để cất giấu và trên đường B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đen-đỏ, biển số 94D1-473.xx chở Nguyễn Thanh H trở lại nhà của Lương Thị Thùy TR, H lấy điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám và điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen đã lấy trộm được ra kiểm tra thì mở được mặt khóa màn hình của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen và khi kiểm tra thư mục tin nhắn trên điện thoại di động thì nhìn thấy đoạn tin nhắn của Ngân hàng Thương mại X (VCX) có nội dung thể hiện số dư trong tài khoản ngân hàng của anh Huỳnh Thanh U là 70.000.000 đồng, đồng thời khi kiểm tra thư mục hình ảnh trên điện thoại thì có ảnh chụp Chứng minh nhân dân của anh Huỳnh Thanh U nên khi trở lại nhà của TR thì H đã kể lại sự việc trên cho TR, Trần Hoài N, Nguyễn Văn B và Huỳnh Đăng Đăng K cùng nghe; sau đó, H rủ K tìm cách chiếm đoạt số tiền trên để chia nhau tiêu xài thì K đồng ý. Thực hiện ý định trên, Khoa đã sử dụng số điện thoại di động của anh U gọi đến tổng đài Ngân hàng VCX để xin cấp lại mật khẩu sử dụng trong việc đăng nhập và chuyển tiền trực tuyến thông qua ứng dụng của Ngân hàng VCX được cài đặt sẵn trên điện thoại di động của anh U. Sau khi cung cấp các thông tin cá nhân về họ tên, năm sinh, nơi cư trú và số Chứng minh nhân dân của anh U thì tổng đài Ngân hàng VCX đã cung cấp mật khẩu cho K và K đã sử dụng mật khẩu trên để thực hiện việc chuyển số tiền 70.000.000 đồng trong tài khoản số 02810005331xx của anh U mở tại Ngân hàng VCX đến tài khoản số 80170410385xx của người tên Rah Lan Y mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần BV nhưng thực tế K là người đang trực tiếp sử dụng. Sau khi thực hiện lệnh chuyển tiền thành công, H mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx của TR chở K đi đến máy rút tiền (trụ ATM) của Ngân hàng BV tại khu vực Ngã tư SS, thuộc phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương để rút hết số tiền 70.000.000 đồng đã chiếm đoạt từ tài khoản của anh U. Sau đó, H và K trở lại nhà của TR rồi H chia cho K số tiền 9.000.000 đồng, chia cho N số tiền 6.000.000 đồng, chia cho B số tiền 12.000.000 đồng, chia cho TR, Huỳnh Văn TX và Nguyễn Thành TY mỗi người số tiền 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 40.000.000 đồng thì H cất giữ để tiêu xài cá nhân. Đối với N, B và TR tuy biết rõ số tiền mà H đã chia cho là do H và K đã chiếm đoạt từ tài khoản của anh Huỳnh Thanh U mà có nhưng vẫn nhận số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen thì Nguyễn Thanh H giữ, còn điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám thì Nguyễn Văn B giữ để sử dụng. Sau đó, H đổi điện thoại Samsung Note 10⁺, màu đen cho Huỳnh Đăng Đăng K; K sử dụng một thời gian thì bán lại điện thoại di động trên cho một người đàn ông (hiện không xác định rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 3.000.000 đồng; còn B thì cũng bán lại điện thoại Realme 8, màu xám cho một người đàn ông (hiện không xác định rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền là 3.000.000 đồng rồi cả hai tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi sự việc xảy ra, bà Phạm Thị X1 (là mẹ của Nguyễn Thanh H) đã thay mặt cho H bồi thường cho anh Huỳnh Thanh U số tiền 35.000.000 đồng, mẹ của Trần Hoài N là bà Nguyễn Thị NA, đã thay mặt N bồi thường cho anh Huỳnh Thanh U số tiền 6.000.000 đồng, còn Huỳnh Đăng Đăng K cũng tự nguyện xin khắc phục số tiền 4.100.000 đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ khi tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của K cho anh Huỳnh Thanh U. Qua làm việc, anh Huỳnh Thanh U yêu cầu Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K, Nguyễn Văn B, Lương Thị Thùy TR liên đới bồi thường số tiền còn lại là 24.900.000 đồng. Hiện tại, H, K, B và TR chưa bồi thường số tiền trên cho anh U.

Ngày 15/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một làm việc với Tiệm cầm đồ KT, địa chỉ tại phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương do bà Võ Ngọc H6 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và thuê ông Võ Đức T5 làm người quản lý tiệm cầm đồ và lập biên bản thu giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx do Lương Thị Thùy TR đã cầm vào khoảng cuối tháng 12/2021.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx, quá trình xác minh và điều tra xác định do ông Nguyễn Thành S1 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Do ông S1 đã chết vào năm 2018 nên qua làm việc với bà Nguyễn Thị G (là vợ của ông S1) thì bà G cho biết ông S1 đã bán xe mô tô, biển số 61T4-31xx vào năm 2007. Đối với Lương Thị Thùy TR thì khai nhận xe mô tô biển số 61T4-31xx do TR mua lại của bà Nguyễn Thị N1 vào tháng 11/2021 với số tiền 4.300.000 đồng; còn bà N1 thì cho biết đã mua xe mô tô biển số 61T4-31xx từ một người đàn ông nhưng do việc mua bán diễn ra đã lâu nên bà N1 không nhớ rõ nhân thân, lai lịch của người đàn ông này và hai bên đều không làm hợp đồng mua bán xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã đăng tin trên Báo Tuổi trẻ truy tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô trên nhưng không có cá nhân nào đến để liên hệ giải quyết. Xét thấy, xe mô tô biển số 61T4-31xx là tài sản hợp pháp của Lương Thị Thùy TR nhưng TR biết rõ Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K đã chiếm đoạt được tiền từ tài khoản của anh Huỳnh Thanh U nhưng vẫn đồng ý cho H và Khoa mượn xe mô tô biển số 61T4-31xx để đi rút tiền và được H chia cho số tiền 1.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với Tiệm cầm đồ KT, mặc dù Lương Thị Thùy TR đã cầm xe mô tô biển số 61T4-31xx với số tiền 3.500.000 đồng nhưng qua làm việc bà Võ Ngọc H6 không yêu cầu TR phải trả lại số tiền trên cho Tiệm cầm đồ KT.

Đối với tài khoản số 80170410385xx mang tên Rah Lan Y mở tại Ngân hàng BV quá trình xác minh và điều tra xác định do chị Rah Lan Y là người đứng tên chủ tài khoản. Tuy nhiên, qua làm việc chị Y cho biết chị Y không phải là người đăng ký và

sử dụng tài khoản trên; ngoài ra, chị Y đã bị mất Chứng minh nhân dân vào ngày 11/11/2021 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương nên có thể đối tượng đã lấy Chứng minh nhân dân của chị Y để đăng ký và sử dụng tài khoản. Đối với Huỳnh Đăng Đăng K thì khai nhận, do không có Chứng minh nhân dân để mở tài khoản ngân hàng nên K nhờ đối tượng tên G2 giúp K làm giả Chứng minh nhân dân; K đưa cho G2 ảnh của chị Huỳnh Lê Yến N2 (là bạn gái của K) để G làm giả Chứng minh nhân dân số 2309766xx, tên Rah Lan Y, sinh ngày 20/10/1995 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 17/9/2019. Sau đó, K sử dụng Chứng minh nhân dân giả trên để đăng ký mở tài khoản trực tuyến tại Ngân hàng BV đồng thời K trực tiếp quản lý và sử dụng tài khoản trên.

Đối với Chứng minh nhân dân (giả) số 2309766xx, mang tên Rah Lan Y, sinh ngày 20/10/1995 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 17/9/2019, quá trình điều tra Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận sau khi đăng ký mở tài khoản trực tuyến tại Ngân hàng BV xong thì K đã làm mất Chứng minh nhân dân (giả) trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với hai người đàn ông mà Huỳnh Đăng Đăng K và Nguyễn Văn B khai nhận đã bán điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen và điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám do quá trình điều tra K và B đều không biết rõ nhân thân, lai lịch của hai người đàn ông này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

4/ Vụ thứ tư: Do các bị cáo Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn thành phố M.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của anh Huỳnh Thanh U thì Nguyễn Thanh H giữ điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen của anh U để sử dụng. Quá trình sử dụng, H truy cập vào tài khoản Zalo của anh U thì nhìn thấy những đoạn tin nhắn thể hiện nội dung chuyển tiền qua lại giữa anh U và chị Võ Thị Kim C (là bạn của anh U) nên H nảy sinh ý định mạo danh anh U hỏi mượn tiền của chị C để chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/12/2021, H sử dụng tài khoản Zalo của anh U nhắn tin hỏi mượn tiền của chị C; do chị C tin tưởng anh U là người hỏi mượn tiền nên đã đồng ý và sử dụng tài khoản số 03810005236xx mở tại Ngân hàng VCX chuyển tiền đến tài khoản số 02810005331xx của anh U mở tại Ngân hàng VCX 02 (hai) lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Do Huỳnh Đăng Đăng K biết mật khẩu đăng nhập và chuyển tiền trực tuyến tài khoản của anh U nên H nhờ K chuyển số tiền 12.000.000 đồng từ tài khoản của anh U đến tài khoản của chị Lê Thị Tuyết NH (là bạn gái của H), còn K thì biết rõ việc H sử dụng tài khoản Zalo của anh U để mạo danh anh U nhắn tin hỏi mượn tiền của chị C để chiếm đoạt nhưng vẫn đồng ý giúp H thực hiện các thao tác trên điện thoại di động của anh U để chuyển số tiền 12.000.000 đồng từ khoản số 02810005331xx của anh U mở tại Ngân hàng VCX đến tài khoản số 17313450xx của chị Lê Thị Tuyết NH mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ nhưng H là người trực tiếp quản lý và sử dụng tài khoản trên. Sau đó, H và K cùng đi rút số tiền trên rồi chia cho nhau mỗi người 6.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Đối với chị Võ Thị Kim C, sau khi đã chuyển số tiền 12.000.000 đồng thì biết được việc anh Huỳnh Thanh U bị mất điện thoại di động và đối tượng lấy trộm điện thoại đã đăng nhập vào tài khoản Zalo của anh U để nhắn tin hỏi mượn tiền của chị C nên ngày 23/12/2021 chị C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu

Một đề trình báo sự việc. Qua làm việc, chị C yêu cầu Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đăng Đăng K phải liên đới bồi thường cho chị C số tiền 12.000.000 đồng. Hiện tại, H và K chưa bồi thường số tiền trên cho chị C.

5/ Vụ thứ năm: Do bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố M.

Sau khi có được các thông tin cá nhân của anh Huỳnh Thanh U thì Huỳnh Đăng Đăng K đã bàn bạc với đối tượng tên R (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) về việc lấy hình của R để nhờ đối tượng tên G2 làm giả Chứng minh nhân dân với các thông tin cá nhân của anh Huỳnh Thanh U. Sau đó, K sử dụng Chứng minh nhân dân (giả) trên để đăng ký mở tài khoản trực tuyến tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QT Việt Nam (VBZ) với tài khoản số 0159464xx, đồng thời đăng ký vay tiền trực tuyến trên trang Web HCR.vn của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên HCR Việt Nam (gọi tắt là Công ty HCR) với số tiền 35.000.0000 đồng rồi R trực tiếp liên hệ với nhân viên Công ty HCR để ký hợp đồng vay. Sau khi hoàn tất các thủ tục cho vay, ngày 12/10/2021 Công ty HCR đã giải ngân và chuyển số tiền số tiền 35.000.0000 đồng vào tài khoản số 0159464xx tên Huỳnh Thanh U mà K đã mở trước đó tại Ngân hàng VBZ. Do chưa được cấp thẻ ATM để rút tiền và tài khoản Rah Lan Y mà K đang sử dụng đã vượt quá hạn mức rút tiền trong ngày nên K đã hỏi mượn tài khoản số 650100042799xx của Lương Thị Thùy TR mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần D&T Việt Nam (BVI) để K chuyển tiền vào rồi nhờ TR đi rút tiền thì TR đồng ý. Sau khi thực hiện lệnh chuyển tiền thành công thì K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Balde, màu đen, biển số 52S5-70xx của TR để chở TR đi đến máy rút tiền (trụ ATM) của Ngân hàng BVI trên Quốc lộ 13, thuộc phường HT, thành phố M, tỉnh Bình Dương để rút số tiền 35.000.0000 đồng. Sau khi rút tiền xong, K cho TR số tiền 2.000.000 đồng, chia cho R số tiền 8.000.000 đồng, chia cho TZ (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 6.000.000 đồng, còn lại số tiền 19.000.000 đồng K giữ để tiêu xài cá nhân.

Đối với hành vi của Lương Thị Thùy TR đã cho Huỳnh Đăng Đăng K mượn số tài khoản để nhận chuyển tiền rồi cùng với K đi rút số tiền 35.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty HCR và được K cho số tiền 2.000.000 đồng nhưng qua làm việc K thì khai nhận TR hoàn toàn không biết số tiền 35.000.000 đồng là do K đã chiếm đoạt của Công ty HCR, còn TR thì khai nhận khi K chuyển tiền vào tài khoản của TR và nhờ TR đi rút tiền thì TR có hỏi K về nguồn gốc của số tiền trên nhưng K nói là của K đã vay được và TR cũng không để ý đến tên tài khoản đã chuyển tiền vào tài khoản của TR, đồng thời do là bạn bè nên TR đã đồng ý giúp K. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Lương Thị Thùy TR về hành vi có dấu hiệu đồng phạm với Huỳnh Đăng Đăng K hoặc hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Đối với Công ty HCR, khi giải ngân số tiền đã cho vay thì nhân viên của công ty đã liên hệ với anh Huỳnh Thanh U thì biết được anh U không phải là người đã thực hiện hợp đồng vay tiền với Công ty HCR, đồng thời hình ảnh người trong hợp đồng vay không phải là anh U. Qua làm việc thì anh U cho Công ty HCR biết ngày 08/12/2021 anh U bị mất điện thoại di động và trong điện thoại di động có hình ảnh Chứng minh nhân dân của anh U nên có thể đối tượng lấy trộm điện thoại di động đã mạo danh anh U để thực hiện việc vay tiền. Do đó, ngày 07/01/2022 anh Phùng Thế T2 là người đại diện Công ty HCR đã trình báo sự việc trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một và sau khi biết được Huỳnh Đăng Đăng K là người đã chiếm đoạt số tiền 35.000. đồng của Công ty HCR, anh Phùng Thế T2 yêu

cầu Huỳnh Đăng Đăng K phải bồi thường cho Công ty HCR số tiền 40.867.0000 đồng. Hiện tại K chưa bồi thường số tiền trên cho Công ty HCR.

Ngày 17/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một làm việc với Tiệm cầm đồ VP, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương do ông Trần Văn Đ là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nhưng ủy quyền cho anh Nguyễn Đình V quản lý và điều hành) và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài liệu, gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Balde, màu đen, biển số 52S5-70xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52S5-70xx; 01 (một) bản phô tô Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị Thùy TR.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Balde, màu đen, biển số 52S5-70xx, quá trình xác minh và điều tra xác định do ông Phạm Xuân L2 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và ông L2 đã chết vào năm 2011, còn gia đình ông L2 thì bỏ đi nơi khác sinh sống. Đối với Lương Thị Thùy TR thì khai nhận xe mô tô biển số 52S5-70xx do TR mua tại Cửa hàng xe máy ML, địa chỉ tại phường TG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị M3 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nhưng do anh Trần ML quản lý và điều hành) vào tháng 11/2021 với số tiền 9.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã đăng tin trên Báo Tuổi trẻ truy tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô trên nhưng không có cá nhân nào đến để liên hệ giải quyết. Xét thấy, xe mô tô biển số 52S5-70xx và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 52S5-70xx là tài sản hợp pháp của Lương Thị Thùy TR và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quản thủ để đảm bảo thi hành án.

Đối với Tiệm cầm đồ VP, do Lương Thị Thùy TR đã cầm xe mô tô biển số 52S5-70xx với số tiền 6.000.000 đồng nên qua làm việc, anh Nguyễn Đình V yêu cầu TR trả lại số tiền trên cho Tiệm cầm đồ VP nhưng hiện tại TR chưa trả.

Đối với đối tượng tên R mà Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận Khoa đã bàn bạc với R để thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 35.000.0000 đồng của Công ty HCR; đối tượng TZ đã được K chia cho số tiền 6.000.000 đồng từ số tiền đã chiếm đoạt, do quá trình điều tra K đều khai nhận không biết rõ nhân thân, lai lịch của R và TZ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với Chứng minh nhân dân (giả) số 341200285, mang tên Huỳnh Thanh U, sinh ngày 01/01/1985 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/6/2020, mà Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận đã nhờ đối tượng tên G2 làm giả, sau khi vay tiền của Công ty HCR xong thì R đã giữ Chứng minh nhân dân (giả) trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

6/ Vụ thứ sáu: Do bị cáo Nguyễn Văn B khai nhận cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn thị xã BC.

Khoảng 02 giờ ngày 18/12/2021, trong khi Nguyễn Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đỏ-đen, biển số 94D1 - 473.xx chở Huỳnh Văn TX, sinh năm 1991 đi từ phòng trọ của B tại Khu nhà trọ MQ, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương về phòng trọ của TX tại Khu nhà trọ NY, địa chỉ ở phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương chạy đến đường DH, đoạn qua phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương thì TX kêu B dừng xe ở trước một con hẻm. Lúc này, TX kêu B ngồi trên

xe mô tô đời và cảnh giới, còn TX thì đi bộ vào trong và đột nhập từ cửa sau để vào nhà của chị Cao Thị H4 lấy trộm được 01 (một) túi xách da, màu trắng rồi đi ra đến chỗ B. Khi nhìn thấy TX cầm 01 (một) túi xách trên tay đi ra B biết TX vừa lấy trộm được nên B điều khiển xe mô tô chở TX chạy về phòng trọ của TX. Tại đây, TX lấy từ trong túi quần ra thêm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73, màu đỏ và kiểm tra túi xách da màu trắng thì phát hiện bên trong có 01 (một) ví da màu trắng, trong ví da có 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng N&P Việt Nam (Ngân hàng AGR) và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD (Ngân hàng O&B) và cả hai thẻ ATM trên đều có ghi mật khẩu ở mặt phía sau thẻ. Thấy vậy, TX nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bên trong hai thẻ ATM nên rủ B cùng đi rút tiền thì B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở TX đi đến máy rút tiền (trụ ATM) của Ngân hàng Thương mại X (Ngân hàng VCX) trên Quốc lộ 13 thuộc phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương rồi sử dụng 02 thẻ ATM trên rút được số tiền 3.000.000 đồng rồi tiếp tục chạy đến máy rút tiền (trụ ATM) của Ngân hàng AGR, địa chỉ tại phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương để rút hết số tiền bên trong hai thẻ ATM được 30.800.000 đồng. Sau khi rút tiền xong thì TX và B sử dụng số tiền trên để mua ma túy sử dụng, số tiền còn lại thì chia cho nhau và tiêu xài cá nhân hết, còn điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73, màu đỏ thì Tím giữ để sử dụng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 23/02/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã BC, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73, màu đỏ, trị giá 2.667.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản và số tiền mà Nguyễn Văn B cùng với đối tượng TX đã chiếm đoạt của chị Cao Thị H4 là 36.467.000 đồng.

Đối với số tiền 33.800.000 đồng và điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73, màu đỏ không thu hồi được nên qua làm việc chị Cao Thị H4 yêu cầu Nguyễn Văn B phải bồi thường cho chị H4 với tổng số tiền 36.467.000 đồng. Hiện tại B chưa bồi thường số tiền trên cho chị H4.

Đối với 01 (một) túi xách da, màu trắng; 01 (một) ví da, màu trắng và 02 (hai) thẻ ATM, quá trình điều tra Nguyễn Văn B khai nhận sau khi chiếm đoạt điện thoại di động và số tiền trong 02 (hai) thẻ ATM của chị Cao Thị H4 thì B và Huỳnh Văn TX đã vứt bỏ các đồ vật trên, đồng thời qua làm việc chị Hương không có yêu cầu gì khác đối với B và TX nên Công an thị xã BC không đề cập xử lý.

Đối với xe mô tô khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider, màu đỏ-đen, biển số 94D1-473.xx mà Nguyễn Văn B đã sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố M và thị xã BC, quá trình xác minh và điều tra xác định xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị T10 đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Qua làm việc, bà T10 cho biết đã bán xe mô tô trên cho Cửa hàng xe máy MCP do anh Vũ Văn T11, là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và cùng với vợ là chị Nguyễn Thị Thúy H9, sinh năm 1987 quản lý và điều hành. Sau đó, Cửa hàng xe máy MCP đã bán lại cho chị Lâm Thị Mộng L1, sinh năm 1993, (là bạn gái của B) rồi B sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội thì chị L1 hoàn toàn không biết. Xét thấy, xe mô tô biển số 94D1-473.xx là tài sản hợp pháp của chị Lâm Thị Mộng L1 ngày 29/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại xe mô tô trên cho chị L1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 76/QĐ-CSĐT cùng ngày 29/9/2022.

*** Về việc giám định các tài liệu, giấy tờ có liên quan:**

Ngày 14/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định số 75/QĐ-CSĐT-HS trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định các tài liệu, giấy tờ đã thu giữ được để xác minh, làm rõ hành vi có dấu hiệu phạm tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức hoặc hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, gồm:

- 07 (bảy) “Giấy chứng minh nhân dân”, gồm:

+ Một (01) mặt trU “Giấy chứng minh nhân dân” số 2812554xx, họ tên “Nguyễn Đỗ Hiếu Đ”, sinh năm 2001, nơi ĐKKH thường trú: x NVT, HT, M, Bình Dương (ký hiệu A1).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 366374xxx, họ tên “Huỳnh Lê Yên N2”, sinh năm 2004, nơi ĐKKH thường trú: MLC, MT, MT, Sóc Trăng, đề ngày 27/12/2018 (ký hiệu A2).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 2812754xx, họ tên “Luu Thị Mộng Tr”, sinh năm 1995, nơi ĐKKH thường trú: MP, BC, Bình Dương, đề ngày 19/10/2016 (ký hiệu A3).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 281072xxx, họ tên “Lương Thị Thùy TR”, sinh năm 1995, nơi ĐKKH thường trú: TA, M, Bình Dương, đề ngày 08/10/2013 (ký hiệu A4).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 312638xxx, họ tên “Lương Thị Thùy TR”, sinh năm 1995, nơi ĐKKH thường trú HT, DT, GCT, Tiền Giang, đề ngày 25/9/2020 (ký hiệu A5).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 2810611xx, họ tên “Hồ Hoài N3”, sinh năm 1994, nơi ĐKKH thường trú: MP, BC, Bình Dương, đề ngày 21/12/2009 (ký hiệu A6).

+ Một (01) “Giấy chứng minh nhân dân” số 385546525, họ tên “Lâm Văn U1, sinh năm 1993, nơi ĐKKH thường trú: BL, đề ngày 18/11/2008 (ký hiệu A7).

- 05 (năm) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy”, gồm:

+ Một (01) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 005116, tên chủ xe “Lê Văn C2”, địa chỉ TZ Hoà B, LH, MT-ST, đề ngày 12/7/2015 (ký hiệu A8).

+ Một (01) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 015686, tên chủ xe “Phạm Thị N4”, sinh năm 1993, địa chỉ: TP, PY, PX, đề ngày 11/01/2017 (ký hiệu A9).

+ Một (01) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 069174, tên chủ xe “Trinh Thị L”, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp K, LT, LN, Bình Phước, đề ngày 25/5/2018 (ký hiệu A10).

+ Một (01) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 010274, tên chủ xe “Lê Văn Trọng Nx”, sinh năm 1998, địa chỉ: VCB, TH, Long An, đề ngày 20/11/2018 (ký hiệu A11).

+ Một (01) giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 017671, tên chủ xe “Phạm Hùng Q”, sinh năm 1984, địa chỉ: NT, LT, BC, Tây Ninh, đề ngày 04/12/2018 (ký hiệu A12).

- Một (01) “Giấy phép lái xe” số AY 64092xx, họ và tên “Lâm Văn U1”, sinh năm 1993, nơi cư trú: BL, đề ngày 13/5/2013 (ký hiệu A13).

Căn cứ Bản kết luận số 122/KL-KTHS(TL) ngày 28/4/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- 01 (một) mặt trU Giấy chứng minh nhân dân số 2812554xx, họ tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ, sinh năm 2001, nơi ĐKKH thường trú: x NVT, HT, M, Bình Dương (ký hiệu A1) và 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 366374xxx, họ tên Huỳnh Lê Yến N2, sinh năm 2004, nơi ĐKKH thường trú: ML, MT, MT, Sóc Trăng, đề ngày 27/12/2018 (ký hiệu A2) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Phôi trên các tài liệu cần giám định còn lại (ký hiệu từ A3 đến A13) là thật, tuy nhiên do không có mẫu chữ ký và dấu tròn cùng thời điểm với tài liệu cần giám định nên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương không đủ điều kiện để giám định.

Quá trình điều tra, Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận: 01 (một) mặt trước Giấy chứng minh nhân dân số 2812554xx, họ tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ là của đối tượng tên G2 đã để lại tại phòng trọ của K, còn 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 366374xxx, họ tên Huỳnh Lê Yến N2 là do K tự ý nhờ đối tượng tên G2 đặt làm giả cho chị Huỳnh Lê Yến N2 (bạn gái của K) do chị N đã bị mất Giấy chứng minh nhân dân và mục đích K làm giả Giấy chứng minh nhân dân trên là để cho N sử dụng thuê phòng trọ và xin việc làm, tuy nhiên K và N chưa sử dụng thì bị phát hiện và thu giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ cơ sở để xử lý đối với K về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

*** Về việc xử lý các vật chứng khác có liên quan đã thu giữ của Lương Thị Thùy TR:**

- Đối với 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam TV (VB); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại X (VCX); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần CTH Việt Nam (VTB); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần D&T Việt Nam (BVI); 01 (một) thẻ Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐA (DA) quá trình xác minh và điều tra xác định là những đồ vật và giấy tờ cá nhân hợp pháp của Lương Thị Thùy TR và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho Lương Thị Thùy TR.

- Đối với 01 (một) Hợp đồng cầm đồ tại Tiệm cầm đồ VP ngày 10/01/2022; 01 (một) Hợp đồng mua bán xe ngày 06/11/2021 giữa bà Nguyễn Thị N1 và Lương Thị Thùy TR; 01 (một) Giấy bán xe ngày 14/11/2021 giữa Cửa hàng xe máy ML và Lương Thị Thùy TR là một trong những tài liệu có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đóng dấu bút lục (các số 306, 835, 836) và thống kê kèm theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) áo đầm, màu đỏ, không có tay áo, phía sau cổ áo có chữ ZARA ANOS-YEARS; 01 (một) túi xách đeo màu đen, bên ngoài có chữ CHANEL và 01 (một) nón bảo hiểm, màu tím phía sau nón có chữ NÓN SƠN mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ của Lương Thị Thùy TR để phục vụ cho công tác điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) Chứng minh nhân dân số 366374xxx mang tên Huỳnh Lê Yến N2, quá trình điều tra Lương Thị Thùy TR khai nhận Chứng minh nhân dân trên là của Huỳnh Đăng Đăng K để lại khi K và N2 sinh sống tại nhà của TR và do Chứng minh nhân dân là giả nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định

chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo quy định.

*** Về việc xử lý các vật chứng khác có liên quan đã thu giữ của Huỳnh Đăng Đăng K:**

- Đối với 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 70C1-267.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 62C1-148.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 83P2-407.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 93P2-273.xx; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 29Y7-336.xx; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng A1 số AY640928 và 01 (một) Chứng minh nhân dân tên Lâm Văn U1 (đã thu giữ tại Tiệm cầm đồ AZ); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2810611xx tên Hồ Hoài N3; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ; 01 (một) bản phô tô Giấy khai sinh tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ; 01 (một) bản sao Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Minh H6; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 86473577xx tên người nộp thuế Nguyễn Đỗ Hiếu Đ và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mã số 46C8031988 tên HD, quá trình xác minh và điều tra Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận tất cả các đồ vật, tài liệu và giấy tờ trên là của đối tượng tên G2 (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) là bạn bè K quen biết ngoài xã hội, khoảng tháng 01/2022 khi G2 đến phòng trọ của K chơi thì đã bỏ quên lại. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giữ lại các đồ vật, tài liệu và giấy tờ trên để tiếp tục xác minh, làm rõ và đề nghị xử lý sau. Riêng 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ quá trình điều tra xác định Chứng minh nhân dân trên là giả nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo quy định.

- Đối với 01 (một) bản phô tô Căn cước công dân số 0930910116xx mang tên Huỳnh Văn TX, quá trình điều tra Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận là của Nguyễn Thanh H nhờ K phô tô, còn 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812754xx mang tên Lưu Thị Mộng T7 là do K đặt làm giả trên mạng xã hội Facebook (nhưng kết luận giám định Chứng minh nhân dân trên có phôi thật) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giữ lại hai chứng minh nhân dân trên để tiếp tục xác minh, làm rõ và đề nghị xử lý sau.

- Đối với 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu đen có họa tiết sọc xanh đỏ hai bên nón và 01 (một) nón lưỡi trai có phần lưỡi trai màu đen, phần nón màu xám mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ của Huỳnh Đăng Đăng K để phục vụ công tác điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BV mang tên Rah Lan Y và 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có chữ ký của Huỳnh Đăng Đăng K, quá trình điều tra K khai nhận thẻ ATM trên do K sử dụng Chứng minh nhân dân (giả) mang thông tin của người tên Rah Lan Y nhưng gắn hình ảnh của chị Huỳnh Lê Yên N2 rồi đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng BV để sử dụng; còn cuốn sổ tay K sử dụng để ghi lại các thông tin giấy tờ, tài liệu để làm giả nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ

Dầu Một đề đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50 gắn sim số 09377843xx và sim số 03920044xx, quá trình điều tra xác định Huỳnh Đăng Đăng K đã sử dụng điện thoại di động trên liên lạc với các đồng phạm khác để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21, màu tím gắn sim số 07944843xx và 03939340xx, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Huỳnh Lê Yến N2 và không liên quan đến hành vi phạm tội của Huỳnh Đăng Đăng K nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tuyên trả lại cho N2.

- Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Realme, màu bạc (không gắn sim), quá trình điều tra Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận đã mua lại của Huỳnh Văn TX với số tiền 2.500.000 đồng nhưng do chưa làm việc được với TX nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giữ lại để tiếp tục xác minh, làm rõ và đề nghị xử lý sau.

- Đối với số tiền 4.100.000 đồng, quá trình điều tra Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận số tiền trên có nguồn gốc từ số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng mà K cùng Nguyễn Thanh H đã chiếm đoạt từ tài khoản của anh Huỳnh Thanh U nên ngày 11/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trả lại số tiền trên cho anh U theo Quyết định xử lý vật chứng số 47/QĐ-CQCSĐT cùng ngày 11/4/2022.

- Đối với đối tượng tên G2 mà Huỳnh Đăng Đăng K khai nhận đã giúp K làm giả Chứng minh nhân dân mang dân mang tên Rah Lan Y (nhưng gắn hình ảnh của chị Huỳnh Lê Tuyết N2), Chứng minh nhân dân mang dân Huỳnh Thanh U (nhưng gắn hình ảnh của đối tượng tên R) và bỏ lại một số đồ vật, tài liệu tại phòng trọ của K (đã bị thu giữ), do quá trình điều tra K đều khai nhận không biết rõ nhân thân, lai lịch của G2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

*** Về việc xử lý các vật chứng khác có liên quan đã thu giữ của Nguyễn Văn B.**

Đối với 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có hoạt tiết chữ NY, màu trắng; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết hình chim, màu đen; 01 (một) áo sơ mi, màu đen dài tay phía sau có hình con đại bàng; 01 (một) con dao tự chế có cán và lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 40 cm mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ để phục vụ công tác điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một đề đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu hủy.

*** Về việc xử lý các vật chứng khác có liên quan đã thu giữ của Nguyễn Thanh H.**

- Đối với 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng QĐ (MB) mang tên Lê Thị Tuyết NH, quá trình xác minh và điều tra xác định H sử dụng thẻ ATM trên để nhận chuyển tiền

đã chiếm đoạt được; 01 (một) quần Jean lửng, màu xanh nhạt và 01 (một) áo khoác, màu đen phía sau có chữ LADOS mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã thu giữ để phục vụ công tác điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xem xét, quyết định xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Huỳnh Văn TX và Nguyễn Thành TY, quá trình điều tra Nguyễn Thanh H khai nhận đã cho TX và TY mỗi người số tiền 1.000.000 đồng sau khi chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của anh Huỳnh Thanh U; còn Nguyễn Văn B khai nhận đã cùng với TX chiếm đoạt tiền và tài sản của chị Cao Thị H4 với tổng trị giá tài sản và tiền là 36.467.000 đồng. Qua xác minh và điều tra, hiện Huỳnh Văn TX và Nguyễn Thành TY không sinh sống tại địa phương, đã bỏ đi đâu và làm gì không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 51/CT-VKSTDM ngày 28/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo cụ thể như sau:

- Truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự;

- Truy tố bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự;

- Truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự;

- Truy tố bị cáo Trần Hoài N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự;

- Truy tố bị cáo Lương Thị Thùy TR về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H mức hình phạt từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn

Thanh H mức hình phạt từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H mức hình phạt từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 03 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H chấp hành hình phạt chung từ 07 năm 03 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K mức hình phạt từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K mức hình phạt từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K mức hình phạt từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 04 tội. Buộc bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K chấp hành hình phạt chung từ 07 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

3/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức hình phạt từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B chấp hành hình phạt chung từ 04 năm 03 tháng tù đến 05 năm tù.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoài N mức hình phạt từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoài N

mức hình phạt từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Trần Hoài N chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

5/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Thị Thùy TR mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Thị Thùy TR mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Lương Thị Thùy TR chấp hành hình phạt chung từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường như sau: Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bình số tiền 5.500.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn B liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích H2 số tiền 6.500.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn B liên đới bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 9.000.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K liên đới bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 24.900.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K liên đới bồi thường cho bà Võ Thị Kim C số tiền 12.000.000 đồng; Huỳnh Đăng Đăng K bồi thường cho công ty Tài chính TNHH Một thành viên HCR số tiền 40.867.000 đồng; Nguyễn Văn B bồi thường cho bà Cao Thị H4 số tiền 36.467.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K, Lương Thị Thùy TR liên đới bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 13.000.000 đồng; Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn B, Lương Thị Thùy TR liên đới bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 18.000.000 đồng; Lương Thị Thùy TR bồi thường cho ông Nguyễn Đình V số tiền 6.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nU: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50.

- Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 52S5-70xx của Lương Thị Thùy TR.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo đầm, màu đỏ, không có tay áo, phía sau cổ áo có chữ ZARA ANOS-YEARS; 01 (một) túi xách màu đen, bên ngoài có chữ CHANEL; 01 (một) nón bảo hiểm, màu tím phía sau nón có chữ NÓN SON; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu đen có họa tiết sọc xanh đỏ hai bên nón; 01 (một) nón lưỡi trai màu đen, phần nón màu xám; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BV mang Rah Lan Y; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có chữ ký của Huỳnh Đăng Đăng K; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết chữ NY, màu trắng; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết hình chim, màu đen; 01 (một) áo sơ mi, màu đen dài tay phía sau có hình con đại bàng; 01 (một) con dao tự chế có cán và lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 40 cm; 01 (một) quần jean lửng màu xanh nhạt; 01 (một) áo khoác màu đen phía sau có chữ LADOS; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB tên Lê Thị Tuyết NH.

- Trả Lương Thị Thùy TR: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD (O&B); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VCX; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VTB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BVI; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng DA.

- Trả chị Huỳnh Lê Yến N2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21.

- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một: 01 (một) Chứng minh nhân dân số 312638xxx và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 281072xxx (Tất cả đều mang tên Lương Thị Thùy TR); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 366374xxx mang tên Huỳnh Lê Yến N2; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx mang tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ nội dung Cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều rất ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một qua phần tranh luận vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố, nội dung luận tội và mức hình phạt đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác cùng những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 06/12/2021 đến ngày 18/12/2021, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N, Nguyễn Văn B, Huỳnh Đặng Đăng K đã tham gia thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố M và thị xã BC, tỉnh Bình Dương, riêng bị cáo Lương Thị Thùy TR thì chứa chấp và giúp cho H, B và K tiêu thụ các tài sản sau khi chiếm đoạt được. Ngoài ra, các bị cáo N, B và K còn có hành vi tiêu thụ và giúp cho các đồng phạm khác tiêu thụ các tài sản sau khi chiếm đoạt được, cụ thể hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

- Ngày 06/12/2021, tại khu phố 1, phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Thanh H và Huỳnh Đặng Đăng K đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ-đậm, biển số 61G1-585.xx, trị giá 23.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen, trị giá 3.500.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C21Y, màu đen, trị giá 2.000.000 đồng (tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt là 28.500.000 đồng) của bị hại Lê Thị B1. Riêng Lương Thị Thùy TR tuy biết rõ xe mô tô biển số 61G1-585.xx là do H và K đã lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý cho H và K để xe mô tô biển số

61G1-585.xx ở nhà của TR, địa chỉ tại phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương rồi giúp H và K mang xe mô tô biển số 61G1-585.xx đi cầm để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

- Ngày 08/12/2021, tại khu nhà trọ LHP, địa chỉ tại phường HA, thành phố M, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô Honda Winner, màu xanh-đỏ trắng-đen, biển số 67K1-881.xx trị giá 41.000.000 đồng của ông Phạm Đất C. Bị cáo Lương Thị Thùy TR tuy biết rõ xe mô tô biển số 67K1-881.xx là do H và N lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý cho H, N để xe mô tô Honda Winner biển số 67K1-881.xx ở nhà của TR tại phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương để H và N tháo mặt nạ xe mô tô ra để kiểm tra định vị nhằm mang đi bán. Sau đó, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn B đã trở lại khu nhà trọ LHP rồi tiếp tục lấy trộm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh-nâu, biển số 61B1-907.xx, trị giá 18.000.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8, màu xám, trị giá 6.500.000 đồng của Nguyễn Thị Bích H2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10⁺, màu đen, trị giá 9.000.000 đồng của Huỳnh Thanh U (tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt của là 33.500.000 đồng). Riêng bị cáo Lương Thị Thùy TR tuy biết rõ xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61B1-907.xx là do H và B đã lấy trộm được mà có nhưng vẫn đồng ý giúp H và B mang đi cầm để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

- Ngày 08/12/2021, tại khu vực phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K đã thực hiện hành vi xâm nhập trái phép vào tài khoản số 02810005331xx của bị hại Huỳnh Thanh U tại Ngân hàng Thương mại X (VCX) rồi chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng. Đối với các bị cáo Trần Hoài N, Nguyễn Văn B và Lương Thị Thùy TR tuy biết rõ số tiền trên là do H và K chiếm đoạt được từ tài khoản của ông U mà có nhưng khi được H chia tiền cho thì vẫn đồng ý nhận, trong đó N nhận số tiền 6.000.000 đồng; B nhận số tiền 12.000.000 đồng, TR nhận số tiền 1.000.000 đồng.

- Ngày 08/12/2021, Nguyễn Thanh H đã có hành vi sử dụng tài khoản zalo trên điện thoại di động đã lấy trộm được của anh Huỳnh Thanh U để mạo danh ông U nhắn tin hỏi mượn tiền của bà Võ Thị Kim C làm cho bị hại C tin tưởng nên đã chuyển số tiền 12.000.000 đồng từ tài khoản số 03810005236xx của bà C tại Ngân hàng VCX đến tài khoản số 02810005331xx của ông U tại Ngân hàng VCX (nhưng do H đang quản lý, sử dụng). Còn bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K có hành vi giúp H chuyển số tiền trên đến tài khoản số 17313450xx của Lê Thị Tuyết NH tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ (nhưng do H đang quản lý, sử dụng) rồi cả hai cùng đi rút số tiền trên và chia nhau tiêu xài.

- Ngày 10/12/2021, tại khu phố 5, phường TBH, thành phố M, tỉnh Bình Dương, bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K đã bàn bạc với đối tượng tên R (hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) sử dụng Chứng minh nhân dân (giả) dựa trên các thông tin cá nhân của anh Huỳnh Thanh U nhưng gắn hình ảnh của R (mạo danh ông U) để đăng ký vay số tiền 35.000.000 đồng của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HCR Việt Nam. Sau khi được Công ty HCR giải ngân thì K và R đã đi rút rồi chiếm đoạt số tiền trên.

- Ngày 18/12/2021, tại khu vực phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn B đã cùng với đối tượng Huỳnh Văn TX (hiện chưa xác minh và làm việc được) đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tổng số tiền 33.800.000 đồng trong 02 (hai) thẻ ATM (Ngân hàng N&P Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ

phần PD) cùng với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73, màu đỏ, trị giá 2.667.000 đồng (tổng trị giá tài sản và tiền đã chiếm đoạt là 36.467.000 đồng của bị hại Cao Thị H4.

[2.2] Như vậy:

Bị cáo Nguyễn Thanh H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản (vụ thứ nhất, vụ thứ hai) với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 103.000.000 đồng; thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 01 lần (vụ thứ ba) với số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000 đồng; thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản (vụ thứ tư) với số tiền đã chiếm đoạt là 12.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản (vụ thứ nhất) với trị giá tài sản chiếm đoạt là 28.500.000 đồng; thực hiện 01 vụ sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (vụ thứ ba) với số tiền đã chiếm đoạt là 70.000.000 đồng; thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản (vụ thứ tư, vụ thứ năm) với tổng số tiền là 47.000.000 đồng; thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 lần (vụ thứ hai) với số tiền thu lợi là 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn B đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản (vụ thứ hai, vụ thứ sáu) với trị giá tài sản đã chiếm đoạt là 69.967.000 đồng và thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 lần (vụ thứ ba) với số tiền được hưởng lợi là 12.000.000 đồng. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Hoài N đã thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản (vụ thứ hai) với trị giá tài sản là 41.000.000 đồng; thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 01 lần (vụ thứ ba) với số tiền thu lợi là 6.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lương Thị Thùy TR đã 01 lần chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có (vụ thứ hai) và 03 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (vụ thứ nhất, vụ thứ hai, vụ thứ ba) với số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; tội “Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.3] Tất cả các bị cáo đều đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.4] Đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức có liên quan đến đối tượng tên G2, R, Huỳnh Đăng Đăng K. Do chưa xác định các đối tượng có liên quan đồng thời qua kết quả giám định chưa xác định được toàn bộ tính xác thực của các tài liệu này. Do đó, Hội đồng xét xử chuyển các tài liệu chứng cứ có liên quan đồng thời kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật. Đối với Huỳnh Văn TX, Nguyễn Thành TY, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đang truy tìm, xác minh làm rõ vai trò đồng phạm, khi nào tiến hành làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vụ án mang tính chất đồng phạm, các bị cáo H, K đều là những đối tượng đóng vai trò chính, tham gia nhiều vụ chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn liêu lĩnh sau đó mang đi tiêu thụ. Bị cáo Lương Thị Thùy TR dù không có hứa hẹn trước nhưng khi biết được những tài sản này là do các bị cáo khác lấy trộm nhưng rất tích cực dùng nơi ở của mình chứa chấp, tiêu thụ nhằm hưởng lợi. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo mà có mức hình phạt tương xứng.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Huỳnh Đăng Đăng K, Nguyễn Văn B, Lương Thị Thùy TR đều thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản nhiều lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn B có tiền án, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện tội phạm do lỗi cố ý là tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo Nguyễn Thanh H, Trần Hoài N, Huỳnh Đăng Đăng K tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho ông Huỳnh Thanh U đồng thời bị hại U có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H, N. Bị cáo Nguyễn Thanh H có bà ngoại là Nguyễn Thị R1 được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; có cha là Nguyễn Thành TZ tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ QT. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị cáo H, K, N, B, TR cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, số tiền bán được tài sản chia cho nhau nên các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho những bị hại, nguyên đơn dân sự theo Điều 587 Bộ luật Dân

sự. Quá trình điều tra, bà Lê Thị B1 yêu cầu bồi thường số tiền 5.500.000 đồng; bà Trịnh Thị T3 yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Bích H2 yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng; ông Huỳnh Thanh U yêu cầu bồi thường số tiền 33.900.000 đồng; ông Hoàng Đình S yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000 đồng; bà Võ Thị Kim C yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng; Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HCR Việt Nam yêu cầu bồi thường số tiền 40.867.000 đồng; bà Cao Thị H4 yêu cầu bồi thường số tiền 36.467.000 đồng, ông Nguyễn Đình V yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Tất cả các bị cáo đều đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thanh H: bồi thường cho bà Lê Thị B1 số tiền 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích H2 số tiền 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 16.950.000 (mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho bà Võ Thị Kim C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K: bồi thường cho bà Lê Thị B1 số tiền 2.750.000 (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 12.450.000 (mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Võ Thị Kim C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HCR Việt Nam số tiền 40.867.000 (bốn mươi triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn B: bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích H2 số tiền 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, bồi thường cho bà Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho bà Cao Thị H4 số tiền 36.467.000 (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Bị cáo Lương Thị Thùy TR: bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Đình V số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước các phương tiện sử dụng vào việc thực hiện tội phạm gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50.

Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển số 52S5-70xx của Lương Thị Thùy TR.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) áo đầm, màu đỏ, không có tay áo, phía sau cổ áo có chữ ZARA ANOS-YEARS; 01 (một) túi xách đeo màu đen, bên ngoài có chữ CHANEL; 01 (một) nón bảo hiểm, màu tím phía sau nón có chữ NÓN SƠN; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu đen có họa tiết sọc xanh đỏ hai bên nón; 01 (một) nón lưỡi trai màu đen, phần nón màu xám; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BV mang tên Rah Lan Y; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có chữ ký xác nhận của Huỳnh Đăng Đăng K; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết chữ NY màu trắng; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết hình chim, màu đen; 01 (một) áo sơ mi, màu đen dài tay phía sau có hình con đại bàng; 01 (một) con dao tự chế có cán và lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 40 cm; 01 (một) quần jean lửng màu

xanh nhạt; 01 (một) áo khoác màu đen phía sau có chữ LADOS; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thị Tuyết NH.

Trà Lương Thị Thùy TR: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD (O&B); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VCX; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VTB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BVI; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng DA.

Trà chị Huỳnh Lê Yến N2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21.

Buộc Lương Thị Thùy TR nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), Nguyễn Văn B nộp số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một: 01 (một) Chứng minh nhân dân số 312638xxx và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 281072xxx (tất cả đều mang tên Lương Thị Thùy TR); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 366374xxx mang tên Huỳnh Lê Yến N2; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx mang tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K phạm tội “Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Trần Hoài N phạm tội “Trộm cắp tài sản, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Lương Thị Thùy TR phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2/ Về hình phạt:

2.1/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo

Nguyễn Thanh H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 03 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2022.

2.2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 04 tội. Buộc bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/01/2022.

2.3/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2022

2.4/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoài N 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoài N 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Trần Hoài N chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2022

2.5/ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Thị Thùy TR 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Thị Thùy TR 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội. Buộc bị cáo Lương Thị Thùy TR chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 4 Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lương Thị Thùy TR kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh H: bồi thường cho bà Lê Thị B1 số tiền 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích H2 số tiền 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 16.950.000 (mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho bà Võ Thị Kim C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Đăng Đăng K: bồi thường cho bà Lê Thị B1 số tiền 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 12.450.000 (mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho bà Võ Thị Kim C số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên HCR Việt Nam số tiền 40.867.000 (bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B: bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích H2 số tiền 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bồi thường cho ông Huỳnh Thanh U số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho bà Cao Thị H4 số tiền 36.467.000 (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Lương Thị Thùy TR: bồi thường cho bà Trịnh Thị T3 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, bồi thường cho ông Hoàng Đình S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Đình V số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển số 61T4-31xx; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung A50 có sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao do khóa máy.

- Tiếp tục tạm giữ của Lương Thị Thùy TR 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 52S5-70xx để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo đầm, màu đỏ, không có tay áo, phía sau cổ áo có chữ ZARA ANOS-YEARS; 01 (một) túi xách đeo màu đen, bên ngoài có chữ CHANEL; 01 (một) nón bảo hiểm, màu tím phía sau nón có chữ NÓN SƠN; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu đen có họa tiết sọc xanh đỏ hai bên nón; 01 (một) nón lưỡi trai màu đen, phần nón màu xám; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BV mang tên Rah Lan Y; 01 (một) cuốn sổ tay màu đen có chữ ký xác nhận của Huỳnh Đăng Đăng K; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết chữ NY màu trắng; 01 (một) nón lưỡi trai, màu đen có họa tiết hình chim, màu đen; 01 (một) áo sơ mi, màu đen dài tay phía sau có hình con đại bàng; 01 (một) con dao tự chế có cán và lưỡi bằng kim loại, màu trắng dài 40 cm; 01 (một) quần jean lửng màu xanh nhạt; 01 (một) áo khoác màu đen phía sau có chữ LADOS; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB mang tên Lê Thị Tuyết NH.

- Trả Lương Thị Thùy TR: 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần PD (O&B); 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VCB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng VTB; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BVI; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng DA.

- Trả chị Huỳnh Lê Yến N2 01 (một) điện thoại di động cảm ứng đã qua sử dụng nhãn hiệu Vivo Y21 có sim bên trong nhưng không kiểm tra số thuê bao do khóa máy.

- Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một: 01 (một) Chứng minh nhân dân số 312638xxx và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 281072xxx (Tất cả đều mang tên Lương Thị Thùy TR); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 366374xxx mang tên Huỳnh Lê Yến N2 (giả); 01 (một) Chứng minh nhân dân số 2812554xx mang tên Nguyễn Đỗ Hiếu Đ (giả) để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

- Buộc Lương Thị Thùy TR nộp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), Nguyễn Văn B nộp số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 092.23 ngày 15/5/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một).

5/ Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Thanh H chịu 1.997.500đ (một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng); Huỳnh Đăng Đăng K chịu 3.353.500đ (ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng); Nguyễn Văn B chịu 3.511.000đ (hai triệu năm trăm mười một nghìn đồng); Lương Thị Thùy TR chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

6/ Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục điều tra làm rõ hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức có liên quan đến đối tượng tên G2, R, Huỳnh Đăng Đăng K, Huỳnh Lê Yến N2 để xử lý theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo